

CÁC HÌNH THỨC XIN LỖI TRỰC TIẾP CỦA NGƯỜI VIỆT

NGUYỄN THỊ LƯƠNG

(PGS.TS, Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. Khái niệm và việc phân loại các hình thức xin lỗi

Trong hoạt động giao tiếp, các nghi thức lời nói thường không đảm nhận nhiệm vụ cung cấp thông tin, nhưng lại có vai trò quan trọng trong việc thu hút, thiết lập, duy trì, củng cố mối quan hệ giữa những người tiếp xúc để giao tiếp đạt hiệu quả cao. Người Việt, từ ngàn xưa vốn đã có truyền thống trọng lễ nghĩa nên các nghi thức lời nói như chào, cảm ơn, xin lỗi đặc biệt được đề cao. Ngày nay, trong xu thế hội nhập và phát triển toàn cầu, mối liên hệ giữa các cộng đồng trên toàn thế giới càng được coi trọng nên vai trò của các nghi thức lời nói càng được chú ý, chúng đã thực sự trở thành những nghi thức nói năng không thể thiếu của một thế giới hội nhập văn minh hiện đại và lịch sự.

Bài viết này đề cập đến một trong những nghi thức lời nói quan trọng, có tần số sử dụng cao, đó là nghi thức *xin lỗi*.

Xin lỗi là một hành động nói và thông qua hành động đó, người nói muốn bày tỏ sự ân hận áy náy, ăn năn về lời nói, thái độ, việc làm của mình trong quá khứ / hiện tại / tương lai đã làm thương tổn đến cá nhân / tập thể nào đó.

Xét theo lý thuyết hành động nói của Searle, hành động xin lỗi chân thành phải thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Điều kiện nội dung mệnh đề: *Hành động C, lời nói P do Sp1 thực hiện trong quá khứ, hiện tại hay tương lai gần có liên quan tới Sp2.*

+ Điều kiện chuẩn bị: *Sp1 nghĩ rằng C hay P ảnh hưởng tiêu cực đến tới Sp2.*

+ Điều kiện chân thành: *Sp1 thực sự ân hận vì hành động, lời nói của mình làm tổn thương đến Sp2.*

+ Điều kiện căn bản: *Sp1 thực hiện hành động xin lỗi nhằm mong Sp2 tha thứ cho lỗi lầm của mình.*

Về việc phân loại hành động xin lỗi, một cách tách bạch, có thể phân loại theo ba bộ tiêu chí sau:

- Dựa vào bối cảnh mà hành động xin lỗi được thực hiện, có thể chia thành:

+ Các hình thức xin lỗi mang tính nghi thức.

+ Các hình thức xin lỗi không mang tính nghi thức.

- Dựa vào cách thức biểu thị hành động, có thể phân thành:

+ Các hình thức xin lỗi trực tiếp.

+ Các hình thức xin lỗi gián tiếp.

- Dựa vào mức độ lỗi mà SP2 gây ra cho SP1, người ta chia thành:

+ Các hình thức xin lỗi ở mức độ lỗi bình thường.

+ Các hình thức xin lỗi ở mức độ lỗi nặng.

Trong thực tế, mỗi hình thức xin lỗi đều mang trong mình đặc điểm của cả ba bộ tiêu chí trên, bởi các tiêu chí phân loại đó: bối cảnh, cách thức biểu thị và mức độ lỗi là các đặc điểm cơ bản của hành động xin lỗi. Cũng vì thế, việc phân loại các hình thức xin lỗi không nên tách bạch thành ba bộ tiêu chí như trên mà nên chọn một bộ tiêu chí làm chính, hai bộ tiêu chí còn lại sẽ được dùng làm cơ sở để mô tả đặc điểm của các hình thức xin lỗi.

Chúng tôi chọn cách thức biểu thị hành động xin lỗi trực tiếp hay gián tiếp làm tiêu chí chính để phân loại hành động xin lỗi. Bài viết này chỉ đề cập đến các hình thức xin lỗi trực tiếp của người Việt - xét trên bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa.

2. Hành động xin lỗi trực tiếp: khái niệm và phân loại

2.1. Thế nào là hành động xin lỗi trực tiếp

Hành động xin lỗi trực tiếp là hành động xin lỗi có sự phù hợp giữa hiệu lực ở lời với hình thức câu chữ dùng để biểu thị hành động đó.

Trong tiếng Việt, hình thức câu chữ được dùng để biểu thị trực tiếp hành động xin lỗi là biểu thức ngôn ngữ hội tụ được hai điều kiện sau:

- Có chứa một trong các động từ ngữ vi biểu thị ý nghĩa xin lỗi: xin lỗi, tạ lỗi, cáo lỗi.
- Các động từ ngữ vi đó phải được sử dụng đúng hiệu lực ngữ vi xin lỗi. Tức là:

+ Động từ phải được dùng ở thời hiện tại (không có các từ ngữ chỉ thời gian: *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, cứ, còn, rồi*... đi kèm động từ).

+ Chủ tố của hành động xin lỗi - SP1 - người thực hiện hành động xin lỗi - phải ở ngôi thứ nhất; đối tố - SP2 - người được xin lỗi - phải ở ngôi thứ hai.

So sánh các phát ngôn sau:

- (1) Tôi *đã xin lỗi* anh rồi mà.
- (2) Nó *xin lỗi* tôi rồi đi thẳng.
- (3) Tôi *xin lỗi* anh.

Cả ba phát ngôn trên đều chứa động từ ngữ vi xin lỗi nhưng chỉ ở phát ngôn (3), động từ *xin lỗi* mới được sử dụng đúng với các điều kiện ngữ vi. Đó là một trong các dạng cấu trúc ngữ pháp biểu thị hành động xin lỗi trực tiếp. Phát ngôn (1) và (2) không thực hiện hành động xin lỗi trực tiếp vì có các từ chỉ thời gian: *đã, rồi* đi kèm động từ (phát ngôn 1), chủ tố và đối tố không đúng ngôi quy định (phát ngôn 2).

Như vậy, một cách cụ thể hơn, có thể hiểu, hành động xin lỗi trực tiếp là hành động ngôn ngữ được biểu thị bằng một biểu thức ngữ vi mà hạt nhân là động từ ngữ vi mang ý nghĩa xin lỗi và động từ đó phải được sử dụng đúng hiệu lực ngữ vi.

Tìm hiểu nghĩa của các từ biểu thị ý nghĩa xin lỗi trong *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), chúng tôi thấy chỉ có động từ xin lỗi có thể làm hạt nhân cho biểu thức ngữ vi được dùng để biểu thị hành động xin lỗi trực tiếp và đáp ứng được các điều kiện của lý thuyết hành động nói.

Vậy, trong tiếng Việt, hình thức câu chữ được dùng để biểu thị hành động xin lỗi trực tiếp là biểu thức ngôn ngữ có hạt nhân là động từ ngữ vi xin lỗi được sử dụng đúng hiệu lực ngữ vi.

Ví dụ:

(4) Chúng tôi thành thật *xin lỗi* quý vị và các bạn.

(5) *Xin lỗi* cậu nhé!

Các hình thức câu chữ như vậy được gọi là biểu thức ngữ vi biểu thị hành động xin lỗi trực tiếp - gọi tắt là biểu thức ngữ vi xin lỗi trực tiếp.

Ngoài động từ ngữ vi xin lỗi, các tổ hợp *cáo lỗi, tạ lỗi* cũng được sử dụng làm hạt nhân cho biểu thức ngữ vi biểu thị hành động xin lỗi trực tiếp. Bài viết này không xét các trường hợp đó.

2.2. Phân loại hành động xin lỗi trực tiếp

Ở dạng đầy đủ, biểu thức ngữ vi xin lỗi trực tiếp có ba thành phần chính: động từ ngữ vi *xin lỗi*, SP1: người thực hiện hành động xin lỗi, SP2 - người tiếp nhận hành động xin lỗi. Mô hình khái quát là:

SP1 xin lỗi SP2

Trong thực tế sử dụng, ba thành phần đó không bắt buộc phải hiện diện đầy đủ trong biểu thức ngữ vi. Dựa vào sự có mặt/vắng mặt của chúng, có thể chia hình thức xin lỗi trực tiếp thành 4 kiểu sau:

- **Kiểu 1: Có đầy đủ 3 thành phần chính:**

SP1 xin lỗi SP2

(6) Cậu bé vừa chạy theo chiếc xe xích lô, vừa mếu máo:

- Ông ơi! Cậu ơi! *Cháu xin lỗi* cụ!

(Nguyễn Minh)

- **Kiểu 2: Khuyết thiếu thành phần SP1:**

Xin lỗi SP2

(7) Bàn tay chị trở nên lóng ngóng quệt phải li nước. Tiếng thủy tinh vỡ khô khan. Hạ lưng túng đổ bưng mặt, chị lí nhí:

- *Xin lỗi* bác.

(Trần Hương)

- **Kiểu 3: Khuyết thiếu thành phần SP2**

SP1 xin lỗi

(8) Trông thấy Chiến, tôi vội nói:

- Chiến ơi! *Mình xin lỗi*!

(Thanh Hải)

- Kiểu 4 : Khuyết thiếu cả SP1 và SP2

Xin lỗi

(9) - Vào thì phải gõ cửa chú. Thấy cửa khép, cậu phải biết ý chú.

- *Xin lỗi.*

(Triệu Huấn)

(10) Sp1 (dẫm phải chân của Sp2): **xin lỗi**

- Sp2: Không sao.

Dưới đây, chúng tôi sẽ mô tả khái quát đặc điểm ngữ pháp - ngữ nghĩa của các thành phần trong các kiểu xin lỗi trên.

3. Cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa của các kiểu xin lỗi trực tiếp

Như đã nói, cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa của các kiểu câu xin lỗi trực tiếp thường có 3 thành phần chính: động từ ngữ vi xin lỗi, SP1 và SP2. Ngoài ba thành phần chính đó, biểu thức ngữ vi xin lỗi trực tiếp còn có thể có một số thành phần phụ mở rộng như: thành phần biểu thái, thành phần nêu lí do xin lỗi.

(11) Ban giám đốc công ti **thành thực xin lỗi khách hàng.**

(12) **Mai mình bận mất rồi. Xin lỗi cậu nhé.**

Phần này sẽ mô tả cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa của cả hai loại: các thành phần chính và các thành phần phụ.

3.1. Cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa của các thành phần chính trong biểu thức ngữ vi xin lỗi trực tiếp

(i) Động từ ngữ vi xin lỗi

* Về ý nghĩa :

- Theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), *xin lỗi* có nghĩa: 1. Xin được tha thứ vì đã biết lỗi (Em bé xin lỗi mẹ vì trót nói dối. Tôi đến muộn, xin lỗi). 2. Công thức xã giao dùng để mở đầu lời nói khi có việc hỏi người lạ, làm phiền người khác. Xin lỗi, ông có điem không? Xin lỗi, anh nói gì, tôi chưa hiểu.

Ngoài hai nét nghĩa mà từ điển đã giải thích, cần bổ sung thêm nét nghĩa thứ ba của động từ ngữ vi *xin lỗi* : tỏ thái độ phản đối với hàm ý mỉa mai.

(13) - Chúc bác thượng lộ bình an!

- Không dám ! Tôi ít chữ.

- Bác đi thuận buồm xuôi gió ạ !

- *Xin lỗi* Tôi đi ô tô.

(Truyện cười – Internet)

* Về vị trí : Trong biểu thức xin lỗi dạng đầy đủ, động từ ngữ vi xin lỗi đứng liền sau thành phần SP1 và trước thành phần SP2.

(14) Bà ơi, *cháu xin lỗi bà.* (Bà quay lại nói chuyện với cháu đi)

(Hải Yến)

* Về chức năng :

+ Động từ *xin lỗi* phải được sử dụng đúng chức năng ngữ vi (như đã nêu ở phần trên) thì biểu thức **SP1 xin lỗi SP2** mới có hiệu lực ở lời của hành động xin lỗi trực tiếp.

+ Động từ ngữ vi *xin lỗi* đảm nhận chức năng trung tâm vị ngữ của câu.

* Về khả năng lược bỏ: Động từ ngữ vi *xin lỗi* giữ vai trò hạt nhân cấu thành biểu thức ngôn ngữ biểu thị hành động xin lỗi nên không thể lược bỏ trong bất kì điều kiện nào.

(ii) Thành phần SP1:

* Về ý nghĩa: SP1 - chủ thể thực hiện hành động xin lỗi - có thể là cá nhân, hay cơ quan, tổ chức trong quá khứ / hiện tại đã có lỗi nói, thái độ, việc làm gây tổn thất, phiền hà, khó chịu cho SP2. Bởi vậy, SP1 muốn bày tỏ sự ân hận ấy nấy, ăn năn của mình với SP2 bằng hành vi xin lỗi.

* Về vị trí: SP1 luôn đứng trước động từ ngữ vi xin lỗi

* Về cấu tạo:

SP1 có thể là:

+ Từ: thường là các từ loại sau:

• Đại từ nhân xưng số ít, số nhiều: *tôi, ta, tao, mình, tớ, chúng tôi, chúng ta, chúng tớ*

• Danh từ riêng chỉ người: *Hồng, Vân, Hoa, Lan, Hằng, Dũng, Hùng, Việt*

• Danh từ chung chỉ quan hệ thân tộc: *anh, chị, bố, mẹ, ông, bà, cô, chú, thím*

+ Cụm từ (thường là cụm danh từ): *tập thể cán bộ công nhân viên xí nghiệp may X40, chuyên mục “Bạn nhà nông”, chương trình O2TV....*

Dù là từ hay cụm từ thì SP1 luôn phải ở ngôi thứ nhất.

* Về chức năng ngữ pháp: SP1 đảm nhận chức năng chủ ngữ trong câu.

* Về khả năng lược bỏ: Sự có mặt của SP1 trong biểu thức xin lỗi trực tiếp thể hiện sự tôn trọng của SP1 với SP2, làm tăng thêm tính trang trọng, lịch sự cho hành động xin lỗi. Tuy nhiên, sự hiện diện của thành phần này trong

biểu thức xin lỗi trực tiếp không bị coi là bắt buộc (xem dạng khuyết thiếu SP1).

(iii) Thành phần SP2

* *Về ý nghĩa*: SP2 chỉ cá nhân, hay cơ quan, tổ chức đã chịu tổn thất, phiền hà, khó chịu do SP2 gây ra trong quá khứ / hiện tại. Nên trong cấu trúc nghĩa của hành động xin lỗi, SP2 giữ vai trò của một tiếp thể - thể tiếp nhận hành động xin lỗi.

* *Về vị trí*: SP2 thường đứng sau động từ xin lỗi

* *Về cấu tạo*:

SP2 có cấu tạo giống như SP1: là danh từ riêng, đại từ, cụm danh từ, nhưng khác với cấu tạo của SP1 ở điểm: nếu SP1 ở ngôi thứ nhất thì SP2 ở ngôi thứ hai.

* *Về chức năng ngữ pháp*: SP2 giữ vai trò của một bổ ngữ đối tượng trong cấu trúc ngữ pháp của câu biểu thị hành động xin lỗi.

* *Về khả năng lược bỏ*: Sự có mặt của SP2 không có tính chất bắt buộc (xem dạng khuyết thiếu SP2).

3.2. Các thành phần phụ của hành động xin lỗi

Ngoài ba thành phần chính: SP1, SP2, động từ ngữ vi xin lỗi thì cấu trúc của hành động xin lỗi trực tiếp còn có các thành phần phụ sau:

- *Phần phụ biểu thị thái độ, tình cảm của SP1.*

Phần này thường được biểu thị bằng các từ ngữ sau:

+ Tính từ: *chân thành, thành thật..*

+ Phó từ: *rất, vô cùng.*

+ Tiểu từ tình thái biểu thị sự kính trọng, thân mật: *ạ, nhé / nhá.*

+ Cụm từ: *ngàn lần, vạn lần, thực lòng*

Phần phụ biểu thị thái độ, tình cảm của SP1 thường đứng sau SP1- trước động từ xin lỗi. Riêng tiểu từ tình thái biểu thị sự kính trọng, thân mật *ạ, nhé* lại đứng cuối biểu thức xin lỗi trực tiếp. Vị trí và khả năng kết hợp của chúng với các thành phần chính thường theo các mô hình sau:

SP1 thành thật xin lỗi SP2/Thành thật xin lỗi SP2.

SP1 chân thành xin lỗi SP2/Chân thành xin lỗi SP2

SP1 thực lòng xin lỗi SP2/Thực lòng xin lỗi SP2

SP1 rất xin lỗi SP2/Rất xin lỗi SP2.

SP1 vô cùng xin lỗi SP2/Vô cùng xin lỗi SP2.

SP1 ngàn lần xin lỗi SP2/ Ngàn lần xin lỗi SP2

SP1 xin lỗi SP2 ạ/Xin lỗi SP2 ạ

SP1 xin lỗi SP2 nhé/Xin lỗi SP2 nhé

(15) Trong tiệm ăn sang trọng, hai ông khách ngồi ăn gọi giạt anh bồi bàn lại:

- Anh xem, con gì thế này?

Vừa nói ông khách vừa kêu lên một con thạch thủng nhỏ hơn một cọng lá hành. () Ông chủ tới:

- **Thành thực xin lỗi quý khách.** Chúng tôi xin miễn phí tiền.

(Internet)

(16) Ban giám đốc công ti, đội ngũ kĩ thuật và toàn thể cán bộ nhân viên công ti **chân thành xin lỗi** các học viên!

(17) Ôi, tôi xin lỗi ông! – Bà khoanh tay lúng túng như đứa trẻ mắc tội – **Ngàn lần xin lỗi ông!**

(Triệu Huân – Li rượu quê hương)

(18) Anh chồng hèn hện: - Bỏ sai rồi – Con gái rượu nhi, vệt là vệt thế nào... Có đổi bạc vạn bỏ cũng “lâu” đôi...nhì? **Bố xin lỗi nhỏ!**

(Trương thị Thuương Huyền – Nắng so le)

(19) Con **thực lòng xin lỗi** mẹ (Xin mẹ đừng giận con nữa).

- *Thành phần nêu lí do xin lỗi.*

+ Cấu tạo thường gặp: **vì / đã + cụm từ nêu lí do xin lỗi.**

+Vị trí: thường đứng cuối phát ngôn với mô hình:

SP1 xin lỗi SP2 vì / đã + cụm từ nêu lí do xin lỗi.

(20) **Xin lỗi** vì đã làm phiền anh.

(21) **Em xin lỗi** đó để chị phải chờ lâu.

Phần nêu lí do xin lỗi cũng có thể được đưa lên trước.

(22) **Vì tất cả những gì con đã gây ra cho mẹ**, con chân thành xin lỗi mẹ.

Phần nêu lí do xin lỗi cũng có thể tách thành một phát ngôn khác, đứng trước hoặc sau phát ngôn xin lỗi.

(xem tiếp trang 16)

ốp, gạch lát nền, vật liệu cách nhiệt, vật liệu cách âm, vật liệu polyme, cây chống...

2.2. Thuật ngữ VLXD là cụm từ cố định (ngữ định danh).

Những thuật ngữ này thường mô tả những tính chất cụ thể, những chi tiết có liên quan đến sự vật, hiện tượng, khái niệm cơ bản trong khoa học VLXD. Ví dụ: vật liệu nhẹ dạng tấm; vật liệu dạng thanh, thép được dùng cho kiểu xây dựng khung, ... Các từ được gạch chân đóng vai trò trung tâm trong cụm từ và có nhiệm vụ gọi tên sự vật, hiện tượng, quá trình, ... khoa học kỹ thuật, các từ còn lại làm nhiệm vụ mô tả thuộc tính, đặc điểm của các sự vật, hiện tượng, quá trình do các từ trung tâm biểu thị. Chẳng hạn trong thuật ngữ: “vật liệu nhẹ dạng tấm” thì vật liệu là từ trung tâm chỉ tên sự vật, còn “nhẹ dạng tấm” là cụm từ chỉ đặc điểm của vật liệu. Có thể nói, các thuật ngữ VLXD là cụm từ cố định là kết quả của việc ghép hai hay nhiều hơn hai từ lại với nhau theo quan hệ chính phụ, có kèm thêm các phụ từ.

3. Kết luận

Bài báo đã nêu vài nét của hệ thuật ngữ VLXD dựa trên một thực tế: đây là một hệ thuật ngữ được hình thành chủ yếu qua cấu tạo và vay mượn các thuật ngữ nước ngoài. Tham gia vào cấu tạo các thuật ngữ VLXD là các yếu tố từ vựng có nguồn gốc thuần Việt, Hán-Việt và Ấn-Âu. Phương thức vay mượn thuật ngữ từ ngôn ngữ Ấn-Âu sang tiếng Việt là: phiên âm, mượn nguyên dạng và ghép lại. Tuy nhiên còn có sự bất cập trong vay mượn các thuật ngữ nước ngoài vào tiếng Việt, gây khó khăn cho người sử dụng. Xét từ góc độ cấu tạo từ, các thuật ngữ VLXD tiếng Việt có thể là các từ đơn, từ ghép, và các ngữ định danh.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hà-Nguyễn Thị Thu Vân (2007), *Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ hành chính trong văn bản quản lý nhà nước*. T/c Ngôn ngữ & Đời sống, N^o4.
2. Nguyễn Kim Thanh (2005), *Cấu tạo của thuật ngữ tin học-viên thông tiếng Việt. Nguồn gốc và số lượng*. Kỷ yếu Ngữ học trẻ.
3. Lưu Trọng Tuấn (2006), *Thuật ngữ y khoa tiếng Việt thông qua tiếp xúc ngôn ngữ*. T/c Ngôn ngữ & Đời sống, N^o12.
4. Nguyễn Thị Tuyết (2008), *Đặc điểm cấu trúc của thuật ngữ tài chính-kế toán-ngân hàng tiếng Anh có hình thức tương đương với từ*. T/c Ngôn ngữ & Đời sống, N^o4.
5. Đinh Hồng Vân (2006), *Để góp phần xây dựng hệ thuật ngữ bảo tàng học*. Kỷ yếu Ngữ học trẻ.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-01-2010)

(Các hình thức...tiếp theo trang 14)

(23) *Xin lỗi các đồng chí! Tôi đến muộn vì vướng cuộc họp đột xuất với Ban giám hiệu.*

(24) *Hôm nay tôi bận, không tiếp chuyện ông bà được. Thành thật xin lỗi ông bà.*

Các thành phần phụ chỉ thái độ tình cảm, mức độ xin lỗi và các thành phần nêu lí do xin lỗi đều có thể thêm vào bất kì kiểu xin lỗi nào.

4. Lời kết

Trên đây chúng tôi đã giới thiệu một cách khái quát các hình thức xin lỗi trực tiếp của người Việt về phương diện ngữ pháp ngữ nghĩa: mô hình cấu trúc của các kiểu xin lỗi; cấu tạo, vị trí, chức năng ngữ pháp và ý nghĩa của từng thành phần trong mỗi kiểu. Ngoài các kiểu xin lỗi trực tiếp còn có các kiểu xin lỗi gián tiếp. Với mỗi kiểu, ngoài cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa còn cần tìm hiểu: cấu trúc xin lỗi đó được sử dụng ở thời đại nào, trong bối cảnh nghi lễ hay không nghi lễ, xin lỗi ở nơi nào - ngoài xã hội hay trong gia đình, ai xin lỗi ai, những người đó có vị thế xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn như thế nào; quan hệ tình cảm giữa họ ra sao (thân tình hay xa lạ), lỗi của SP1 ở mức nào (nặng, nhẹ, trung bình) hay SP1 thực sự không có lỗi mà vẫn nói lời xin lỗi SP2- vì phép lịch sự xã giao hoặc vì muốn khấy SP2 để tỏ ý không hài lòng? Ngoài ra chúng ta cần tìm hiểu thêm ví dụ: Người Việt thường xin lỗi nhau trong những điều kiện nào, có gì giống và khác với các dân tộc khác? Văn hoá, phong tục tập quán của người Việt có liên quan gì đến hành động xin lỗi? Tất cả những vấn đề đó thuộc bình diện văn hoá - ngữ dụng của hành động xin lỗi, đều rất hữu ích và lí thú nhưng không thể giải quyết trong phạm vi một bài báo.

Tài liệu tham khảo

1. Brown .P, and Levison S.C, *Politeness, Some universals in Language usage*, Cambridge University Press 1987.
2. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập hai, Ngữ dụng học, Nxb GD, 2001.
3. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ học, H., 1992.
4. Trịnh Bảo Trâm, *Hành vi xin lỗi của người Việt*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-05-2010)